

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ  
VĂN LANG**

-----o0o-----



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2019**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT**

**Tên Công ty/Name of Company**

**CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang**

**Năm báo cáo/Year 2019**

**I. Thông tin chung/ General information**

**1. Thông tin khái quát/ General information**

- Tên giao dịch/ *Trading name*:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*:

0102459018

- Vốn điều lệ/ *Charter capital*:

10.800.000.000 VND (Mười tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*:

- Địa chỉ đăng ký kinh doanh/ *Registered business address*:

Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

- Địa chỉ giao dịch/ *Trading address*:

Tầng 3, nhà B 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

- Số điện thoại/ *Telephone*: 024. 3512 1610

- Số fax/ *Fax*: 024. 3512 1611

- *Website*: www.vla.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: VLA

**Quá trình hình thành và phát triển/ *Incorporation and development process***

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

- CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập theo Quyết định số 1338/QĐ-TCNS ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Nhà xuất bản Giáo dục. Công ty thành lập dưới hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: 0103020568 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/01/2010.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 0102459018 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2016.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 0102459018 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30/08/2018
- Từ khi thành lập năm 2007, đến nay CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã thực hiện tăng vốn điều lệ một lần như sau: Ngày 30/11/2009 Công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 10.800.000.000 đồng.
- Ngày 19/07/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận số 64/GCN-SGDHN chấp thuận cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 04/08/2011, CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang giao dịch phiên đầu tiên trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VLA.

- Các sự kiện khác/*Other events*

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

STT	Ngành nghề kinh doanh
1.	<i>Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tàng, quản lý xuất bản, siêu thị;</i>
2.	<i>Xây dựng hệ thống Website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên Internet;</i>
3.	<i>Buôn bán máy tính, dịch vụ bảo trì hệ thống, thiết bị văn phòng, đại lý cung cấp phần mềm;</i>

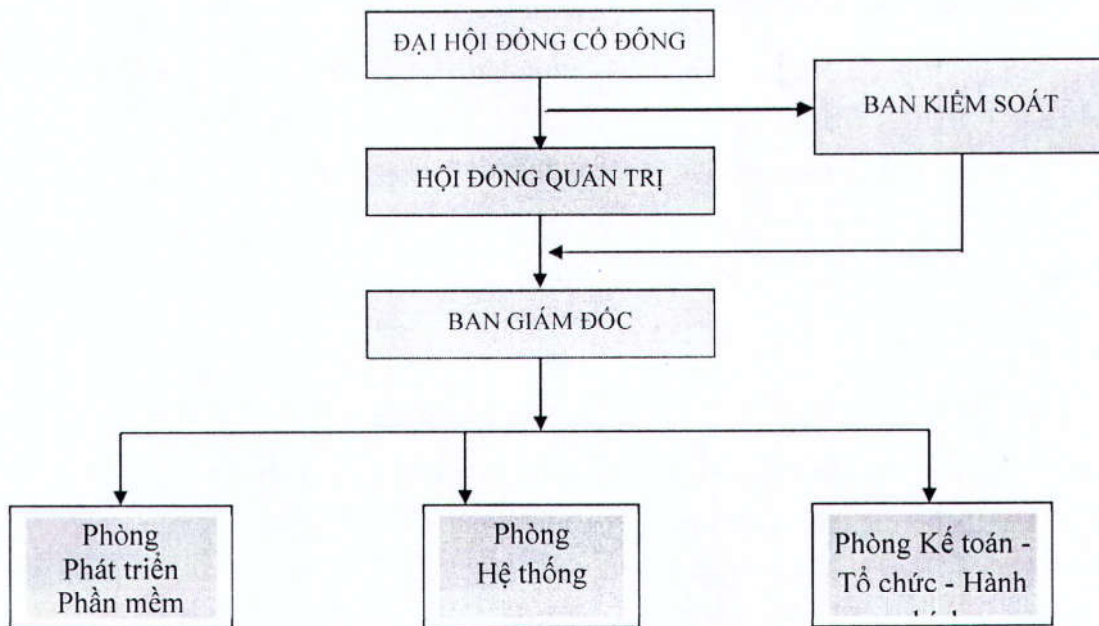
- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính là Hà Nội và trong phạm vi toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/*Governance model*.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY CÔNG TY



- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

o Hội đồng quản trị (HDQT):

TT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Lê Thành Anh	Chủ tịch HDQT
2	Vũ Trung Chính	Phó Chủ tịch HDQT
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HDQT, Giám đốc
4	Đặng Viết Mạnh	Thành viên HDQT, Phó Giám đốc
5	Lê Hoài Thanh	Thành viên HDQT

Số thành viên của HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT có nhiệm vụ:

- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng nếu có bằng chứng chứng minh họ không đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ được giao phó hoặc họ có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ của Công ty hoặc Hội đồng quản trị cho rằng việc miễn nhiệm hoặc cách chức là cần thiết và vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất tới Đại hội đồng cổ đông về việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.
  - Ban kiểm soát (BKS):

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Tạ Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Trần Công Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Phạm Tuấn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát

BKS là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. BKS bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)*)

- Không có.

#### 4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

5. Các rủi ro/ *Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	DVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỉ lệ thực hiện / kế hoạch %	So sánh cùng kỳ %
1	Doanh thu	Triệu d	13.842	10.000	11.802	118,02%	85,26%
2	Lợi nhuận trước thuế	“	1.204	1.100	1.425	129,54%	118,36%
3	Thuế	“	106		286		269,81%
4	Lợi nhuận sau thuế	“	1.098		1.138		103,64%
5	Tỉ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%	6,47		6,66		102,94%
6	Tỉ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	%	10,17		10,54		103,74%
7	Đơn giá tiền lương thực hiện	d/1000d LN	3.500				
8	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu d/người	9,00		20,00		222,22%

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

o Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
2.	Đặng Viết Mạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
3.	Hoàng Thị Xuân Hòa	Kế toán trưởng

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định



- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định trong Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year) không có thay đổi.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 là 14 người, các chính sách về lương, thưởng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tuân thủ theo quy chế tài chính của Công ty và phù hợp với quy định của nhà nước. Cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

- o Cơ cấu lao động phân theo trình độ

	<b>Trình độ chuyên môn nghiệp vụ</b>	<b>Số người</b>
1	Trình độ đại học và trên đại học	11
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp	3
3	Công nhân kỹ thuật	0
4	Lao động phổ thông	0
<b>Tổng số</b>		<b>14</b>

- o Cơ cấu lao động phân theo Hợp đồng Lao động

<b>STT</b>	<b>Hợp đồng lao động</b>	<b>Số người</b>
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	3
2	Hợp đồng có thời hạn	11
3	Hợp đồng thời vụ	0
<b>Tổng số</b>		<b>14</b>

Công ty luôn nỗ lực tạo điều kiện cho CBCNV có thu nhập ổn định. Năm 2019, mức thu nhập bình quân đầu người toàn Công ty là 20.000.000 đồng /người/tháng.

Toàn thể CBCNV của Công ty ký hợp đồng lao động chính thức được tham gia các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước. Do đặc thù ngành nghề, Công ty luôn chú trọng tới công tác bảo hộ lao động, phúc lợi xã hội, môi trường làm việc phải đảm bảo an toàn, vệ sinh. Hàng năm, Công ty tổ chức cho các CBCNV có thành tích tốt trong công tác đi tham quan, nghỉ mát, học tập ở nước ngoài.

Việc khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong Công ty cũng được duy trì đều đặn. Đồng thời, các cán bộ có năng lực được Công ty tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề, tạo động lực phấn đấu cho người lao động. Ngoài ra, tổ chức Công đoàn luôn quan tâm, tặng quà cho CBCNV trong các ngày lễ 8/3, 20/10, 22/12, 2/9, ngày Tết, tổ chức vui chơi cho con em CBCNV nhân dịp 1/6, lễ Trung thu...

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nếu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets*

- Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*

- Không có.

### 4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year	Năm/Year	% tăng giảm/
	2018	2019	% change

Chi tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	18.434.472.094	18.196.828.170	98,71%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	12.886.809.636	10.102.960.706	78,40%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	1.204.601.907	1.452.340.412	120,57%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>		(26.634.000)	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	1.204.601.907	1.425.706.412	118,35%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	1.098.226.131	1.138.956.122	103,71%

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*)

- Không.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:</p> <p style="padding-left: 40px;"><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u></p> <p style="padding-left: 80px;">Nợ ngắn hạn</p> <p style="padding-left: 40px;"><u>Short term Asset - Inventories</u></p> <p style="padding-left: 80px;">Short term Debt</p>	12,62	12,90	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)</p>	0,08	0,06	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)</p> <p style="padding-left: 40px;">Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)</p>	0,7	0,56	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)</p>	0,09	0,11	

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year	Năm/Year	Ghi chú/Note
	2018	2019	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	0,06	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	0,06	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	0,09	0,14	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Tổng số cổ phần: 1.080.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.080.000 cổ phần
- Không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify*

shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

- Danh sách cổ đông được thống kê theo danh sách sở hữu chốt ngày: 01/04/2019

TT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ
<b>I.</b>	<b>Cổ đông lớn, nhỏ</b>	<b>61</b>	<b>1.080.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông lớn	3	498.800	46,19%
2	Cổ đông nhỏ	58	581.200	53,81%
<b>II.</b>	<b>Cổ đông tổ chức, cá nhân</b>	<b>61</b>	<b>1.080.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông tổ chức	8	572.300	52,99%
2	Cổ đông cá nhân	53	507.700	47,01%
<b>III.</b>	<b>Cổ đông trong nước, nước ngoài</b>	<b>61</b>	<b>1.080.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông trong nước	50	623.800	57,76%
2	Cổ đông nước ngoài	11	456.200	42,24%
<b>IV.</b>	<b>Cổ đông nhà nước, khác</b>	<b>61</b>	<b>1.080.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông nhà nước	1	108.000	10,00%
2	Cổ đông khác	60	972.000	90,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc*

- Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

- Không có.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance*

- Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Không có báo cáo về nguyên vật liệu do đặc thù công ty là viết phần mềm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Không có báo cáo về nguyên vật liệu tái chế do đặc thù công ty là viết phần mềm.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

Các chỉ số về năng lượng trong hoạt động sản xuất

<b>Tổng năng lượng được sử dụng phân loại theo từng nguồn</b>	<b>Năm 2019</b>	
<b>Điện (kwh)</b>	23.358	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/  
*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

- Không có báo cáo.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/  
*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

- Không có báo cáo về sáng kiến tiết kiệm năng lượng.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Báo cáo tổng khối lượng nước

<b>Tổng lượng nước tiêu thụ</b>	<b>Năm 2019</b>	
<b>Nước máy (m<sup>3</sup>)</b>	62	

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Không có báo cáo về tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/  
*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Không có báo cáo về số lần bị xử phạt.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/  
*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

- Không có báo cáo về tổng số tiền do bị xử phạt.



### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lượng lao động: 14 người
- Mức lương trung bình: 15 triệu / người / tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Đối với công tác quản lý y tế, hàng năm công ty thực hiện chương trình khám sức khỏe định kỳ cho tất cả cán bộ nhân viên (CBNV) chính thức. CBNV được nhận về hồ sơ dân kín về kết quả khám. Trên cơ sở đó, CBNV biết được kết luận của bác sỹ và thực hiện những điều cần giải quyết cho bản thân.

Hàng năm, công ty thực hiện những ngày nghỉ Lễ, Tết, nghỉ phép trong năm được thực hiện theo Quy định của Bộ luật lao động. Các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm viếng hiếu, hi, tham quan, nghỉ mát cho CBNV và thực hiện chi các khoản khen thưởng, phúc lợi cho người lao động căn cứ vào quy chế nội bộ và hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực và hiệu quả lao động của CBNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ cán bộ nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Có chương trình cử CBNV tham gia các khóa học chuyên ngành công nghệ thông tin về lập trình phần mềm, quản trị mạng, quản trị hệ thống theo chuẩn của hãng công nghệ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Không thực hiện

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

- Không có báo cáo về hoạt động thị trường vốn xanh.

*Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)***

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

#### *1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

#### *2. Tình hình tài chính/ Financial Situation*

##### *a) Tình hình tài sản/ Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

##### *b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts*

Không có biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results*

Không có.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Không thay đổi.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future*

- Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông giao thực hiện theo từng thời kỳ.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved)*

- Không có.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers*

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community*

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of*

*Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

- Ban điều hành và Cán bộ nhân viên công ty đã bám sát theo chủ trương, chỉ đạo của HĐQT đề ra về các hoạt động chung của Công ty.

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Trong năm qua, các thành viên Ban Giám đốc đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Giám đốc đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2019. Ban Giám đốc đã tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT mở rộng với sự tham gia dự họp của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng Ban Kiểm soát Công ty để trực tiếp trao đổi, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động của Công ty.

*3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang sẽ tiếp tục giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, quản trị hoạt động doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội cổ đông giao, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

**V. Quản trị công ty/Corporate governance** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).*

*1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).*

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỉ lệ %	Ghi chú
1.	Lê Thành Anh	Chủ tịch HĐQT	12 000	1,1	
2.	Vũ Trung Chính	Phó Chủ tịch HĐQT	5 000	0,46	
3.	Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT, Giám đốc	0	0	
4.	Đặng Viết Mạnh	TV HĐQT, Phó Giám đốc	0	0	
5.	Lê Hoài Thanh	TV HĐQT không điều hành	0	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*)

- Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.*

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	01/2019/NQHĐQ T-VLA	08/01/2019	- Hội đồng quản trị thông qua đề xuất của Ban điều hành Công ty về đơn giá tiền lương năm 2018 là 3.500 đồng/ 1.000 đồng lợi nhuận trước thuế, trên cơ sở đảm bảo chi tiêu lợi nhuận, cố tức như kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 của Công ty thông qua.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
2.	10/2019/NQHĐQ T-VLA	28/02/2019	<p>1. Tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt cụ thể như sau</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức năm 2017 và họp Đại hội đồng cổ đông năm 2019: 01/04/2019</li> <li>+ Tỷ lệ: 8%/ vốn điều lệ</li> <li>+ Thời gian thanh toán: 22/05/2019</li> </ul> <p>2. Thông qua thời gian tổ chức địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời gian tổ chức đại hội: 26/04/2019</li> <li>+ Địa điểm tổ chức đại hội tại tầng 3 nhà B số 187B Giảng Võ, Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội</li> </ul>
3.	28/2019/NQHĐQ T-VLA	28/03/2019	<p>- Thông qua chương trình và nội dung trù bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 26/04/2019 tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang.</p>
4.	67/2019/NQHĐQ T-VLA	21/06/2019	<p>Hội đồng Quản trị của công ty đã họp và thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông qua tình hình sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận ước 6 tháng đầu năm 2019;</li> <li>+ Thông qua phương án xây dựng phần mềm mới.</li> </ul>
5.	125/2019/NQHĐ QT-VLA	25/09/2019	<p>Hội đồng Quản trị của công ty đã họp và thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông qua tình hình sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận ước 9 tháng đầu năm 2019;</li> <li>+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV và cả năm 2019.</li> </ul>

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*)

- Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*

- Không có.

## 2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Tạ Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban	0	0	
2	Trần Công Thanh	Thành viên	500	0,05	
3	Phạm Tuấn Anh	Thành viên	1.000	0,09	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng



chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ áp dụng thống nhất trong toàn Công ty nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Trong năm qua, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành trong năm của HĐQT và Ban Giám đốc. Ban Kiểm soát không cần đưa ra quyết định nào về việc điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

*3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits:* (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).*

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trích từ quỹ khen thưởng ban điều hành: không có

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/*Transactions of internal shareholders:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).*



Stt		Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1.	America LLC	Cổ đông lớn	268.900	24,90 %	tăng
2.	Maybank Kim Eng Securities Pte.Ltd	Cổ đông lớn	121.900	11,29 %	không đổi
3.	Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn	108.000	10,00 %	không đổi



c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*

- Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

Thời gian qua, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ đông, hỗ trợ tốt Ban Giám đốc trong quá trình hoạt động của công ty và kết quả kinh doanh của VLA luôn luôn có những đóng góp nhất định của HĐQT. Chính nhờ có sự sát sao và phối hợp nhịp nhàng trong công tác quản trị và điều hành mà thêm một lần nữa VLA đã khẳng định sự phát triển không ngừng của mình.

## VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

### 1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công

nghe Văn Lang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

Toàn văn Báo cáo tài chính được kiểm toán được đăng tải đầy đủ tại địa chỉ: [www.vla.vn](http://www.vla.vn) > mục “Trang chủ” > “Dành cho cổ đông” > “Báo cáo tài chính năm 2019”.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**

Ngày 22 tháng 01 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng